| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2025
V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ Phên toà:* Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phú Hữu;

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

***- Thư ký Phên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/9/1979.

Địa chỉ thường trú: Số 63/15/10, QT, Phường GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: Số 45D, đường 106, xã TĐ, huyện CC (nay là xã PĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Chị Lê Thị Mai P, sinh ngày 18/10/1982.

Địa chỉ: Số 180, đường VTB, Tổ 38, Khóm B, Phường S, thành phố C (nay là khóm PA, Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị Lê Thị Mai P có mặt, anh Nguyễn Thanh H có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân:**

Anh Nguyễn Thanh H và chị Lê Thị Mai P kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 6, thành phố Cao Lãnh (nay là UBND Phường Cao Lãnh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 01/9/2006.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 12/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay anh Nguyễn Thanh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mai P.

**Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn H P V, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/12/2011.

Hiện nay con chung Nguyễn Hoàng P đang sống với mẹ, Nguyễn H P V đang sống với ba.

Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn H P V, không yêu cầu chị Mai P cấp dưỡng nuôi con, đồng ý chị Mai P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng P, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Pên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Lê Thị Mai P trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Lê Thị Mai P và anh Nguyễn Thanh H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 6, thành phố Cao Lãnh (nay là UBND Phường Cao Lãnh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 01/9/2006.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 12/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay chị Lê Thị Mai P đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

**Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn H P V, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/12/2011.

Hiện nay, con chung Nguyễn H P V đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Hoàng P đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, chị Mai P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Pên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Mai P, anh H yêu cầu được nuôi

dưỡng cháu Nguyễn H P V, đồng ý để chị Mai P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng P, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con".

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Mai P là bị đơn trong vụ án có địa chỉ Số 180, đường VTB, Tổ 38, Khóm B, Phường S, thành phố C (nay là khóm PA, Phường C), tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Thanh H nhưng anh Nguyễn Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Lê Thị Mai P kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 6, thành phố Cao Lãnh (nay là UBND Phường Cao Lãnh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 01/9/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận định, anh H và chị Mai P cùng thống nhất trong quá trình anh H và chị Mai P chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Tại Pên tòa sơ thẩm, chị Mai P xác định hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn, chị Mai P và anh H đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Do mâu thuẫn giữa anh H và chị Mai P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Lê Thị Mai P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn H P V, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/12/2011.

Hiện nay con chung Nguyễn Hoàng P đang sống với mẹ, Nguyễn H P V đang sống với ba.

[2.2.1] Đối với con chung Nguyễn H P V, tại thời điểm anh H nộp đơn khởi kiện là ngày 09/7/2025, con chung P V chưa đủ 18 tuổi nhưng hiện nay con chung Nguyễn H P V đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của anh Nguyễn Thành H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn H P V theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung Nguyễn Hoàng P, theo đơn khởi kiện anh H đồng ý để chị Mai P được tiếp tục nuôi dưỡng, tại Pên tòa sơ thẩm, chị Mai P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng P. Theo văn bản ý kiến con chung, con Nguyễn Hoàng P có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ Lê Thị Mai P. Do đó chị Lê Thị Mai P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng P là

phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng P, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh H, chị Lê Thị Mai P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh H, chị Lê Thị Mai P xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Mai P không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H. Anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Lê Thị Mai P.

**2. Về con chung:**

Hiện nay con chung Nguyễn H P V, sinh ngày 12/10/2007 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Con chung Nguyễn Hoàng P đang sống với chị Lê Thị Mai P. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Mai P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/12/2011.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung**: Hội đồng xét xử không xem xét

**4. Về nợ chung:** Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí**: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006460 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh H đã nộp xong.

Chị Lê Thị Mai P không phải chịu án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Chị Lê Thị Mai P được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS KV6-Đồng Tháp;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa Pên tòa**

**Đoàn Thị Cẩm Hừng**